

31	Bà Thi Vân (Đã đang tranh chấp)	Ấp Suối Cà, xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	4422,2	-	-	4422,2	-	-	-	4422,2	-	-	961.828.500	35.942.400	79.675.100	109.860.764	855.000	-	-	20.000.000	1.208.161.764
32	Nguyễn Thị Cẩm Vân, Lê Văn Dũng	Ấp Suối Cà, xã Bàu Cạn, xã Long Thành, thành phố Đồng Nai	4925,8	-	-	4925,8	-	860,9	3662,9	402	-	-	1.285.633.800	-	-	14.233.277	6.840.000	-	-	20.000.000	1.326.707.077
33	Lê Anh Cường - Nguyễn Thị Mỹ Phước	phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	141	-	-	141	-	141	-	-	-	-	29.440.800	-	51.078.000	11.143.565	1.710.000	30.456.000	12.000.000	135.828.365	
34	Nguyễn Đức Long	Tổ 2, Ấp Suối Cà, xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	261	-	-	261	-	261	-	-	-	-	44.278.650	-	32.832.000	40.958.999	3.420.000	-	12.000.000	133.489.649	
35	Lê Văn Thanh - Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Ấp 4, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	3914,9	300	300	3614,9	-	3614,9	-	-	-	-	990.360.750	160.494.000	86.774.776	323.398.093	27.360.000	813.352.500	20.000.000	2.421.740.119	
36	Hoàng Minh Thái - Hoàng Thị Nhâm	Thôn Song Hồng, xã Cổ Nhuê, tỉnh Hà Tĩnh	64,2	-	-	64,2	-	64,2	-	-	-	-	13.963.500	-	-	1.548.394	1.710.000	-	2.000.000	-	
37	Đặng Hồng Việt	Khu phố Cầu Xéo, Phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	654,5	-	-	654,5	-	654,5	-	-	-	-	142.333.750	-	61.938.840	101.640.709	3.420.000	147.262.500	16.000.000	472.615.799	
38	Trần Thanh Việt	Ấp 3, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	1.253	-	-	1.253	-	1.253	-	-	-	-	272.527.500	-	39.951.600	39.527.398	3.420.000	281.925.000	20.000.000	657.351.498	
39	Ngô Tấn Đạt - Nguyễn Thị Hoàn	Tổ 1, Ấp 8, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	601,6	-	-	601,6	-	601,6	-	-	-	-	316.810.500	-	36.288.000	10.440.279	1.710.000	327.735.000	20.000.000	712.983.779	
40	Phạm Phú Đức	131/7 Nguyễn Văn Hương, khu phố 5, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh	2029,4	-	-	2029,4	-	2029,4	-	-	-	-	529.673.400	-	1.812.000	75.937.826	855.000	-	20.000.000	628.278.226	
41	Hà Hoàng Long và bà Lê Thị Ngọc Vinh	Khu phố Cẩm Tân, phường Hưng Gòn, thành phố Đồng Nai	3166,3	-	-	3166,3	-	3166,3	-	-	-	-	689.614.200	-	167.725.750	93.225.693	2.565.000	-	20.000.000	973.136.643	
42	Nguyễn Anh Tuấn và Nguyễn Thị Bích Hòa	Khu 14, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	2470,6	-	-	2470,6	-	2470,6	-	-	-	-	644.826.600	-	29.956.000	293.422.745	1.710.000	-	20.000.000	989.895.345	
43	Hồ Hữu	23/2B, ấp 26, xã Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	1200,5	-	-	1200,5	-	1200,5	-	-	-	-	261.108.750	-	35.760.000	89.706.244	855.000	-	16.000.000	403.429.594	
44	Phạm Văn Bình - Trần Thị Ngọc Anh	Ấp 1, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	2062,4	-	-	2062,4	-	2062,4	-	-	-	-	448.572.000	366.480.000	44.064.000	82.799.536	3.420.000	464.040.000	20.000.000	1.429.375.536	
45	Nguyễn Thị Hòa và bà Trần Thị Bích Ngọc (tên thật là Ngọc Bích Ngọc)	Tổ 2, ấp 8, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	168.458.640	105.629.920	2.213.272	-	-	-	276.301.832	
46	Lê Minh Sơn	321 Đường U City, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	345,3	-	-	345,3	-	345,3	-	-	-	-	90.123.300	-	-	-	855.000	-	8.000.000	98.978.300	
47	Nguyễn Hoàng Minh Tài và bà Nguyễn Thị Mỹ Phước	Ấp 3, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	104.502.528	55.889.040	-	-	-	-	160.391.568	
48	Phùng Ngọc Thiên	439 F13, Phan Văn Trị, phường An Nhôm, thành phố Hồ Chí Minh	5303,3	-	-	5303,3	-	5303,3	-	-	-	-	1.387.408.800	-	-	3.867.023	855.000	-	20.000.000	1.412.130.823	
49	Trần Thị Mỹ Dung (tên thật là Trần Thị Bích Ngọc và bà Nguyễn Thị Mỹ Phước)	Ấp 4, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	138.164.400	35.310.000	-	-	-	-	173.474.400	
50	Nguyễn Quốc Trung	45/6D, đường Bui Quang Lã, Phường An Hải Tây, thành phố Hồ Chí Minh	574,8	-	-	574,8	-	574,8	-	-	-	-	150.022.800	-	-	-	855.000	-	12.000.000	162.877.800	
51	Hoàng Thanh (tên thật là Trần Thị Bích Ngọc và bà Nguyễn Thị Mỹ Phước)	Ấp 3, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	128.953.440	35.310.000	-	-	-	-	164.263.440	
52	Nguyễn Thị Thùy Linh	Khu phố Thanh Bình, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	2441,6	-	-	2441,6	-	2441,6	-	-	-	-	637.257.600	83.008.800	-	217.579.851	13.680.000	-	20.000.000	971.526.251	
53	Hoàng Thị Kim Lân và bà Nguyễn Thị Mỹ Phước	Ấp 3, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	183.338.240	59.600.520	-	-	-	-	242.938.760	
54	Võ Thị Diễm	973/63 Nguyễn Ánh Thu, Phường Trưng Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh	3587,5	516,9	516,9	3587,5	-	917,9	2152,7	-	-	-	751.050.555	-	51.840.000	533.106.009	3.420.000	-	20.000.000	1.359.416.564	
55	Lê Quốc Thắng và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Ấp 4, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	163.280.000	89.816.540	-	-	-	-	253.096.540	
56	Nguyễn Công Vinh và bà Nguyễn Thị Hồng	Ấp 8, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	201.151.034	8.488.791	-	-	-	209.639.825	
57	Nguyễn Ngọc Thiên và bà Trần Thị Bích Ngọc (tên thật là Trần Thị Bích Ngọc và bà Nguyễn Thị Mỹ Phước)	Ấp 4, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	131.932.800	-	-	-	-	-	131.932.800	
Tổng										103347,1	600	29.389.540.710	3.706.585.402	2.645.173.065	4.632.053.581	201.780.000	7.528.566.150	832.000.000	48.935.699.008		
Kinh phí bồi thường, bù trừ, tái định cư của tổ chức, bị gia đình, cá nhân:										8553,2	10575,9	83440,1	10575,9	8553,2	-	-	-	-	-	48.935.699.008	

Trong đó: Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tỉnh mức trích kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (không bao gồm thường hạn giao mặt bằng)		48.103.699.008
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,9%		1.683.629.465
Trong đó:		
- Kinh phí bồi thường Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trung tâm (83%)		1.431.085.045
- Kinh phí UBND xã Xuân Dương (15%)		252.544.420
Tổng cộng (1+2):		50.619.328.473

Bảng chi: Năm mươi ô; sáu trăm mười chín triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn, bốn trăm bảy mươi ba đồng

